

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông **Đỗ Văn Nôl**

2. Bà **Châu Thị Chúc**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐST- HNGĐ ngày 22/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06a/2017/QĐST- HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lý Hồng V**, sinh năm 1985 (*có mặt*).

Địa chỉ số: 338, ấp G A, xã H, huyện C, tỉnh S.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1981 (*vắng mặt*).

Địa chỉ số: 338, ấp G A, xã H, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017; biên bản hòa giải ngày 22/6/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lý Hồng V trình bày:

Bà V và ông T kết hôn năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh S. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/05/2009.

Thời gian đầu bà V và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, chửi vợ, bạo lực gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Từ tháng 4 năm 2016 đến nay, bà ông đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà V khai vợ chồng có một con chung:

Tên Trần Trọng N, sinh ngày 19/6/2005;

Khi ly hôn bà V đồng ý giao một con chung tên Trần Trọng N cho ông T nuôi dưỡng, bà đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà V xin ly hôn ông T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà V có nguyện vọng giao cho ông T được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, bà V không có nguyện vọng nuôi cháu N, đồng ý giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng và cháu N cũng đang ở với ông T. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 22/06/2017 cháu Trần Trọng N trình bày nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với cha, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của cháu N, giao cháu: Trần Trọng N, sinh ngày 19/6/2005 cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay bà V đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy bà V không trực tiếp nuôi con, đồng ý cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo quy định của pháp luật mức cấp dưỡng hàng tháng bằng 50% mức lương tối thiểu, nên cần buộc bà V phải có nghĩa vụ cấp nuôi con mỗi tháng là 6 50.000đ, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà : Bà Lý Hồng V.

- *Về hôn nhân:* Bà Lý Hồng V được ly hôn với ông Trần Quốc T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên: Trần Trọng N, sinh ngày 19/6/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Hồng V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Quốc T mỗi tháng là 650.000đ(Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

+ Thời gian cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án.

+ Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh S.

Bà Lý Hồng V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lý Hồng V phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006868, ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;

Bà Lý Hồng V phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- Tòa án tỉnh;

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh